



**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIÊM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIÊM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

Kết
Quyết
định
kế
toán
và
công
trình
ngầm



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599 và lần thứ 14 ngày 18 tháng 10 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ lên 397.591.180.000 đồng.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/7/2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh . Mã cổ phiếu: FCN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
	Ông Hà Thế Phương	Phó chủ tịch HĐQT
	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Trần Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Việt Khoa
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2013
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON

Kính gửi: **Các cổ đông**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON, *được lập ngày 21/02/2014, từ trang 05 đến trang 30*, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 01 tháng 02 năm 2013 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Án**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hàng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Đinh Văn Thắng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN <i>(100 = 110+120+130+140+150)</i>	100		994.093.205.522	544.439.428.426
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	238.042.852.242	37.271.670.661
1. Tiền	111		238.042.852.242	37.271.670.661
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.123.896.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.123.896.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		651.037.251.242	350.460.331.309
1. Phải thu khách hàng	131		297.891.717.698	350.756.649.087
2. Trả trước cho người bán	132		9.261.690.761	5.602.201.986
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		349.467.201.641	-
5 Các khoản phải thu khác	135	6.2	1.020.000.000	128.987.601
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.603.358.858)	(6.027.507.365)
IV- Hàng tồn kho	140		72.705.145.328	144.325.123.205
1. Hàng tồn kho	141	6.3	72.705.145.328	144.325.123.205
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		27.184.060.710	12.382.303.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	1.150.022.094	753.114.103
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.5	-	7.184.039.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6.5	548.745.556	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	25.485.293.060	4.445.149.541
B - TÀI SẢN DÀI HẠN <i>(200 = 210+220+240+250+260)</i>	200		446.221.237.495	382.119.087.635
II Tài sản cố định	220		212.890.713.439	206.445.144.679
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	83.151.912.490	87.570.557.381
- Nguyên giá	222		149.248.135.496	138.313.601.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.096.223.006)	(50.743.044.083)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	6.8	67.688.251.644	53.564.832.254
- Nguyên giá	225		86.281.180.077	61.947.924.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.592.928.433)	(8.383.091.926)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.9	23.817.052.104	26.980.340.974
- Nguyên giá	228		26.191.108.247	29.478.213.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.374.056.143)	(2.497.872.756)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.10	38.233.497.201	38.329.414.070
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		229.163.321.752	173.507.456.208
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.11	92.956.681.752	166.507.456.208
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.12	127.875.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.13	8.331.640.000	7.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.167.202.304	2.166.486.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.14	2.453.645.624	902.930.068
3. Tài sản dài hạn khác	268	6.15	1.713.556.680	1.263.556.680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.440.314.443.017	926.558.516.061

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		851.467.140.290	569.571.684.968
I- Nợ ngắn hạn	310		811.207.494.783	523.015.943.985
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.16	133.522.660.672	114.730.087.135
2. Phải trả người bán	312		384.686.974.724	318.769.558.745
3. Người mua trả tiền trước	313		44.288.440.663	4.847.127.761
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.17	47.556.853.828	54.502.219.221
5. Phải trả người lao động	315		8.690.182.915	8.581.414.321
6. Chi phí phải trả	316	6.18	171.510.214.484	1.097.967.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.19	332.404.288	12.447.435.371
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		20.619.763.209	8.040.134.431
II- Nợ dài hạn	330		40.259.645.507	46.555.740.983
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.20	40.259.645.507	46.555.740.983
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		588.847.302.727	356.986.831.093
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.21	588.847.302.727	356.986.831.093
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		397.591.180.000	138.051.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	35.604.060.321
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.157.778.716	17.479.821.137
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.478.889.358	8.739.910.569
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		110.080.470.832	157.111.419.066
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.440.314.443.017	926.558.516.061

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại (UDS)		80.396,75	1.657,45

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Hòa

Phạm Duy Cường

Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.22	1.103.888.856.076	966.008.096.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.22	1.103.888.856.076	966.008.096.751
4. Giá vốn hàng bán	11	6.23	957.601.919.113	787.683.261.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		146.286.936.963	178.324.834.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.24	10.666.170.973	11.479.879.444
7. Chi phí tài chính	22	6.25	19.261.902.581	22.365.483.827
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.25	17.951.744.683	17.268.269.919
8. Chi phí bán hàng	24		8.201.804.551	5.655.921.291
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.838.844.621	38.775.126.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		96.650.556.183	123.008.182.309
11. Thu nhập khác	31	6.26	25.833.415.519	5.962.428.949
12. Chi phí khác	32	6.26	23.332.891.205	4.307.084.467
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.500.524.314	1.655.344.482
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		99.151.080.497	124.663.526.791
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.27	22.474.609.931	25.110.760.884
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		76.676.470.566	99.552.765.907
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.28	3.517	6.062

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường



Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TỆ

(theo phuong pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	MS	TM		
			Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		99.151.080.497	124.663.526.791
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		29.003.062.735	11.310.378.489
- Các khoản dự phòng	03		575.851.493	2.068.062.588
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		651.132.107	911.028.850
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.947.719.980)	(13.313.900.317)
- Chi phí lãi vay	06		17.951.744.683	17.268.269.919
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	08		134.385.151.535	142.907.366.320
<i>trước thay đổi vốn lưu động</i>				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(322.642.914.945)	(164.097.861.862)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		71.619.977.877	(20.042.972.830)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		256.358.735.364	119.118.715.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.947.623.547)	1.270.793.979
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17.951.744.683)	(17.268.269.919)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.013.996.812)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		41.780.000	1.602.773.295
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.242.320.152)	(1.561.093.352)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		93.607.044.637	61.929.450.998
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.560.296.932)	(75.394.196.277)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25.776.664.080	1.784.259.253
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.154.882.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.030.986.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(67.820.865.544)	(46.264.975.512)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.065.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.503.947.105	11.529.641.064
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(90.159.447.291)	(108.345.271.472)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		200.974.073.500	20.252.860.321
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		384.688.868.836	345.390.591.547
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(349.585.734.763)	(333.501.525.047)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(22.606.656.012)	(16.665.670.166)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.649.608.100)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		197.820.943.461	15.476.256.655
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		201.268.540.807	(30.939.563.819)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.271.670.661	67.976.671.966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(497.359.226)	234.562.514
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	6.1	238.142.852.242	37.271.670.661

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599 và lần thứ 14 ngày 18 tháng 10 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ lên 397.591.180.000 đồng.

Địa chỉ đăng ký: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm : 257 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (quý, bán niên, năm), được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Nhà xưởng, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải
Thiết bị, dụng cụ quản lý
Tài sản cố định hữu hình khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định thuê tài chính**

Một tài sản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể, máy móc, thiết bị thời gian sử dụng từ 5 đến 8 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí quảng cáo.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm. Chi phí quảng cáo Công ty phân bổ theo thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của Hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐOÍ KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	39.950.420.216	9.531.192.402
Tiền gửi ngân hàng	198.092.432.026	27.740.478.259
Tổng	238.042.852.242	37.271.670.661

6.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải thu khác	1.020.000.000	128.987.601
Công ty Cổ phần FECON Holdings	1.000.000.000	-
Phải thu khác	20.000.000	128.987.601
Tổng	1.020.000.000	128.987.601

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.451.286.106	12.486.648.034
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.253.859.222	131.838.475.171
Tổng	72.705.145.328	144.325.123.205

6.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	753.114.103	1.365.920.427
Tăng	2.577.961.111	1.329.810.161
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.181.053.120	1.942.616.485
Tại ngày 31 tháng 12	1.150.022.094	753.114.103
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi tiết		
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	332.515.376	536.998.890
Chi phí Quảng cáo	99.900.000	163.348.493
Chi phí bảo hiểm	176.154.010	44.659.352
Sửa chữa văn phòng	50.481.025	4.899.035
Chi phí mua phần mềm	44.458.333	3.208.333
Chi phí bảo hộ	81.593.283	-
Chi phí thuê văn phòng	247.338.000	-
Chi phí khác	117.582.067	-
Tổng	1.150.022.094	753.114.103

6.5. Thuế giá trị tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	-	7.184.039.607
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	548.745.556	-
Tổng	548.745.556	7.184.039.607

6.6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	25.483.293.060	4.445.149.541
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	2.000.000	-
Tổng	25.485.293.060	4.445.149.541

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2013	2.636.995.426	119.415.873.790	11.103.411.357	1.296.926.126	3.860.394.765	138.313.601.464
Tăng trong năm	-	29.851.051.904	2.608.662.728	144.969.090	2.751.472.853	35.356.156.575
Mua trong năm	-	29.475.169.289	2.608.662.728	144.969.090	2.736.816.797	34.965.617.904
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	375.882.615	-	-	14.656.056	390.538.671
Giảm trong năm	-	22.177.981.654	476.941.815	1.058.139.398	708.559.676	24.421.622.543
Thanh lý, nhượng bán	-	21.461.411.256	332.287.273	-	-	21.793.698.529
Giảm khác (Giảm theo TT45)	-	716.570.398	144.654.542	1.058.139.398	708.559.676	2.627.924.014
Số dư tại 31/12/2013	2.636.995.426	127.088.944.040	13.235.132.270	383.755.818	5.903.307.942	149.248.135.496
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2013	351.599.392	43.711.996.918	5.035.336.464	856.439.618	787.671.691	50.743.044.083
Tăng trong năm	263.699.544	14.928.351.788	1.979.659.940	150.603.588	697.650.584	18.019.965.444
Khấu hao trong năm	263.699.544	14.928.351.788	1.979.659.940	150.603.588	697.650.584	18.019.965.444
Giảm trong năm	-	1.364.064.239	367.146.465	729.593.912	205.981.905	2.666.786.521
Thanh lý, nhượng bán	-	875.888.137	332.287.273	-	-	1.208.175.410
Giảm khác (Giảm theo TT45)	-	488.176.102	34.859.192	729.593.912	205.981.905	1.458.611.111
Số dư tại 31/12/2013	615.298.936	57.276.284.467	6.647.849.939	277.449.294	1.279.340.370	66.096.223.006
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	2.285.396.034	75.703.876.872	6.068.074.893	440.486.508	3.072.723.074	87.570.557.381
Tai 31/12/2013	2.021.696.490	69.812.659.573	6.587.282.331	106.306.524	4.623.967.572	83.151.912.490
Nguyên giá cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:						72.983.880.544
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						22.736.557.647

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2013		61.947.924.180	61.947.924.180
Tăng trong năm		24.333.255.897	24.333.255.897
Thuê tài chính trong năm		24.333.255.897	24.333.255.897
Giảm trong năm		-	-
Số dư tại 31/12/2013		86.281.180.077	86.281.180.077
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2013		8.383.091.926	8.383.091.926
Tăng trong năm		10.209.836.507	10.209.836.507
Khấu hao trong năm		10.209.836.507	10.209.836.507
Giảm trong năm		-	-
Số dư tại 31/12/2013		18.592.928.433	18.592.928.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2013		53.564.832.254	53.564.832.254
Tại 31/12/2013		67.688.251.644	67.688.251.644

6.9. Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	Quyền sử dụng đất, nhà	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013		29.000.526.983	229.298.990	248.387.757	29.478.213.730
Tăng trong năm		-	75.000.000	282.340.000	357.340.000
Mua trong năm		-	75.000.000	282.340.000	357.340.000
Giảm trong năm		3.584.509.483	44.936.000	15.000.000	3.644.445.483
Giảm khác (giảm theo TT 45)		-	44.936.000	15.000.000	59.936.000
Thanh lý, nhượng bán		3.584.509.483	-	-	3.584.509.483
Số dư tại 31/12/2013		25.416.017.500	259.362.990	515.727.757	26.191.108.247
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013		2.133.039.988	129.827.664	235.005.104	2.497.872.756
Tăng trong năm		637.167.719	89.979.461	46.113.604	773.260.784
Khấu hao trong năm		637.167.719	89.979.461	46.113.604	773.260.784
Giảm trong năm		837.141.397	44.936.000	15.000.000	897.077.397
Giảm khác (giảm theo TT 45)		-	44.936.000	15.000.000	59.936.000
Thanh lý, nhượng bán		837.141.397	-	-	837.141.397
Số dư tại 31/12/2013		1.933.066.310	174.871.125	266.118.708	2.374.056.143
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013		26.867.486.995	99.471.326	13.382.653	26.980.340.974
Tại 31/12/2013		23.482.951.190	84.491.865	249.609.049	23.817.052.104

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	38.329.414.070	-
Tăng	2.132.846.694	38.512.231.647
Kết chuyển tài sản cố định	390.538.671	182.817.577
Giảm khác	1.838.224.892	-
Tại ngày 31 tháng 12	38.233.497.201	38.329.414.070
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi tiết		
Chi phí gia công máy thi công cọc cát	88.658.339	169.919.152
Chi phí đầu tư sàn Mipec Tây Sơn	38.144.838.862	38.144.838.862
Chi phí gia công thùng trộn dung dịch khoan bê tông tường sét	-	14.656.056
Tổng	38.233.497.201	38.329.414.070

6.11. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2013	01/01/2013		
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Viện Nền móng Công trình	2.600.000	26.000.000.000	2.600.000	26.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư FECON	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - SHANGHAI HARBOUR	5.296.262	52.962.617.750	1.800.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	1.049.406	10.494.064.002	1.046.746	10.467.456.208
Trường THPT Ý Yên	350.000	3.500.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	-	-	10.004.000	100.040.000.000
Tổng	9.295.668	92.956.681.752	16.650.746	166.507.456.208

Thông tin chi tiết về Công ty con:

TT	Tên công ty con	Ngành nghề	Vốn điều lệ (tr đồng)	(%) sở hữu theo cam kết	(%) sở hữu thực tế tại 31/12/2013
1	Trường THPT Ý Yên	Giáo dục	6.000	58,33%	38,12%
2	Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - SHANGHAI HARBOUR	Xử lý nền móng	5.000.000 USD	51,0%	51,18%
3	Công ty Cổ phần FECON - MILTEC	Sản xuất bắc thám	20.865,9	50,33%	50,29%
4	Viện Nền móng và Công trình ngầm	Khảo sát địa chất	26.000	100%	100%

- Tại ngày 29/12/2012, Công ty có thực hiện bán Công ty TNHH Đầu tư Fecon cho Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.

- Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON thực hiện tăng vốn điều lệ và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON không thực hiện mua thêm cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.12. Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2013	01/01/2013		
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	9.750.000	97.875.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn	3.000.000	30.000.000.000	-	-
Tổng	12.750.000	127.875.000.000	-	-

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (Tr đồng)	Vốn đã góp (Tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính	
						31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Hà Nam	268.000	268.000	36,52%	Sản xuất Cọc, bê tông	-
2	Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn	Thanh Hóa	100.000	83.500	30%	Sản xuất Cọc, bê tông	-

6.13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hải Đăng	1.331.640.000	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	8.331.640.000	7.000.000.000

6.14. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	902.930.068	1.422.934.301
Tăng	3.988.666.940	626.482.146
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.437.951.384	1.146.486.379
Tại ngày 31 tháng 12	2.453.645.624	902.930.068
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	1.957.250.457	508.305.098
Chi phí Quảng cáo	364.174.613	394.624.970
Chi phí sửa chữa văn phòng	132.220.554	-
Tổng	2.453.645.624	902.930.068

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.15. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.713.556.680	1.263.556.680
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	1.713.556.680	1.263.556.680
Tổng	1.713.556.680	1.263.556.680

6.16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô	67.500.000.000	56.660.738.797
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	66.022.660.672	28.975.105.578
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	29.094.242.760
Tổng	133.522.660.672	114.730.087.135

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 132625.2012/HĐTDHM ngày 23/5/2013. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐCTD/13055 ngày 17/6/2013. Tổng hạn mức cấp tín dụng của Hợp đồng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Lãi suất thay đổi tùy theo từng khê ước nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng.

6.17. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.350.972.009	7.666.431.276
Thuế xuất, nhập khẩu	-	113.403.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.194.377.619	41.733.764.500
Thuế thu nhập cá nhân	11.504.200	2.221.651.731
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.766.967.800
Tổng	47.556.853.828	54.502.219.221

6.18. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	171.510.214.484	1.097.967.000
Tổng	171.510.214.484	1.097.967.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	49.471.905	17.525.830
Bảo hiểm xã hội	2.777.383	1.845.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác	280.155.000	12.428.064.516
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON</i>	-	12.428.064.516
<i>Tiền cỗ tức năm 2012 cỗ đóng chưa nhận</i>	280.155.000	-
Tổng	332.404.288	12.447.435.371

6.20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	8.293.254.000	18.749.274.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	4.750.000.000	14.115.788.950
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	3.543.254.000	4.633.486.000
Nợ dài hạn	31.966.391.507	27.806.466.033
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	30.200.269.869	24.907.915.420
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease	1.766.121.638	2.898.550.613
Tổng	40.259.645.507	46.555.740.983

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số HKI-HĐTD/10099 ngày 26/12/2010. Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng biên độ 2,8%/năm, cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 04.04.HĐTD2012/NT_FECON ngày 06/4/2012. Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký HĐ là 18%/năm, cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.21. Vốn chủ sở hữu
a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	128.400.000.000	25.002.820.000	(672.819.898)	8.812.291.653	4.406.145.827	89.240.097.031	255.188.534.613
Tăng trong năm	9.651.620.000	10.601.240.321	784.595.793	8.667.529.484	4.333.764.742	101.229.539.202	135.268.289.542
Tăng vốn	9.651.620.000	10.601.240.321	-	784.595.793	-	-	20.252.860.321
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	-	8.667.529.484	4.333.764.742	-	784.595.793
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	13.001.294.226
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	99.552.765.907
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.676.773.295
Giảm trong năm							33.469.993.062
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	21.668.823.710
Điều chỉnh thanh tra thuế	-	-	-	-	-	-	9.349.440.675
Chuyển LN Viên	-	-	-	-	-	-	1.602.773.295
Thù lao HDQT và BGĐ	-	-	-	-	-	-	737.179.487
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	111.775.895	-	-	-	111.775.895
Số dư tại 31/12/2012	138.051.620.000	35.604.060.321	-	17.479.821.137	8.739.910.569	157.111.419.066	356.986.831.093
Số dư tại 01/01/2013	138.051.620.000	35.604.060.321	-	17.479.821.137	8.739.910.569	157.111.419.066	356.986.831.093
Tăng trong năm	259.539.560.000	2.176.523.500	-	17.677.957.579	8.838.978.789	76.676.470.566	364.909.490.434
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	17.677.957.579	8.838.978.789	-	26.516.936.368
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	76.676.470.566	76.676.470.566
Tăng vốn - Lợi nhuận	60.742.010.000	2.176.523.500	-	-	-	-	60.742.010.000
Tăng vốn	198.797.550.000	3.241.600.000	-	-	6.100.000.000	123.707.418.800	200.974.073.500
Giảm trong năm							44.194.893.945
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	60.742.010.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	15.929.763.100
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	700.641.026
Tiền thù lao	-	-	-	-	-	-	2.140.110.729
Giám khảo	-	3.241.600.000	-	-	-	-	11.481.710.729
Số dư tại 31/12/2013	397.591.180.000	34.538.983.821	-	35.157.778.716	11.478.889.358	110.080.470.832	588.847.302.727

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	138.051.620.000	128.400.000.000
Vốn góp tăng trong năm	259.539.560.000	9.651.620.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	397.591.180.000	138.051.620.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

76.671.773.100

c. Cổ tức

Đồng/cổ phiếu

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Chưa công bố

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

39.759.118

13.805.162

Số lượng cổ phiếu đã bán

39.759.118

13.805.162

Cổ phiếu phổ thông

39.759.118

13.805.162

Cổ phiếu ưu đãi

-

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

39.759.118

13.805.162

Cổ phiếu phổ thông

39.759.118

13.805.162

Cổ phiếu ưu đãi

-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e. Các Quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND

Các quỹ của doanh nghiệp:

35.157.778.716

17.479.821.137

Quỹ đầu tư phát triển

11.478.889.358

8.739.910.569

Quỹ dự phòng tài chính

6.22. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu của hàng hóa đã bán	186.030.608.660	64.533.305.179
Doanh thu hoạt động xây dựng	914.960.992.513	899.612.993.365
Doanh thu dịch vụ khác	2.897.254.903	1.861.798.207
Tổng	1.103.888.856.076	966.008.096.751

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.23. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	125.659.708.604	64.533.305.179
Giá vốn hoạt động xây dựng	828.516.923.773	721.375.435.234
Giá vốn dịch vụ khác	3.425.286.736	1.774.521.356
Tổng	957.601.919.113	787.683.261.769

6.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	753.947.105	3.229.879.444
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	9.750.000.000	8.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	160.950.384	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.273.484	-
Tổng	10.666.170.973	11.479.879.444

6.25. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	14.025.199.472	17.268.269.919
Lãi thuê tài chính phải trả	3.926.545.211	3.334.242.588
Lãi trả chậm	440.849.121	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	197.758.556	851.942.470
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	652.405.591	911.028.850
Chi phí tài chính khác	19.144.630	-
Tổng	19.261.902.581	22.365.483.827

6.26. Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập thanh lý tài sản	25.776.664.080	5.904.042.525
Thu chuyển nhượng cổ phần	-	49.761.620
Thu nhập khác	56.751.439	8.624.804
Tổng	25.833.415.519	5.962.428.949
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản	23.332.891.205	4.119.783.272
Chi phí nộp phạt thuế, tài trợ	-	156.417.217
Chi phí khác	-	30.883.978
Tổng	23.332.891.205	4.307.084.467
Thu nhập khác thuần	2.500.524.314	1.655.344.482

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.151.080.497	124.663.526.791
Điều chỉnh tăng	497.359.226	178.460.733
Điều chỉnh giảm	9.750.000.000	8.250.000.000
Lợi nhuận chịu thuế	89.898.439.723	116.591.987.524
Doanh thu từ hoạt động xây dựng hạng KT-XH	-	446.000.077.608
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	2.029.904.642	-
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	4.037.235.997
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	22.474.609.931	25.110.760.884

6.28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	76.676.470.566	99.552.765.907
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	76.676.470.566	99.552.765.907
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	21.802.453	16.422.429
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.517	6.062

6.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	488.627.786.157	374.343.298.906
Chi phí nhân công	67.848.883.383	51.943.578.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.003.062.735	25.690.376.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.596.116.494	290.754.472.866
Chi phí khác bằng tiền	35.858.963.651	45.517.641.302
Chi phí dự phòng	455.708.798	-
Tổng	805.390.521.218	788.249.368.481

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương và các khoản phụ cấp	4.080.775.004	3.262.563.053
Tổng		4.080.775.004	3.262.563.053

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu		6.277.874.847	1.413.333.723
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	-	1.142.107.852
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	-	156.906.778
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết	3.821.833.400	-
Công ty TNHH Đầu tư Fecon - Chi nhánh Hà Nội	Công ty con	188.944.912	114.319.093
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - SHANGHAI HARBOUR	Công ty con	2.267.096.535	-
Phải trả người bán		285.341.402.995	166.085.067.273
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - SHANGHAI HARBOUR	Công ty con	127.944.064.573	70.969.935.868
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	655.685.222	6.411.507.300
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	148.543.145.523	85.914.152.443
Viện Nền móng và Công trình ngầm		8.198.507.677	2.789.471.662
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	-	12.428.064.516

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Các giao dịch mua hàng			
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - SHANGHAI HARBOUR	Công ty con	73.341.467.787	47.183.477.005
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	19.801.716.000	7.980.375.000
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	27.382.530.725	6.121.176.734
Công ty Cổ phần khoáng sản FECON	Công ty liên kết	437.106.621.143	79.818.636.190
Tổng		557.632.335.655	141.103.664.929
Các giao dịch bán hàng			
Viện Nền móng và công trình ngầm	Công ty con		
<i>Phí dịch vụ văn phòng</i>		403.205.782	218.949.955
<i>Cho thuê máy móc</i>		745.667.159	669.319.813
<i>Cung cấp thiết bị</i>		488.283.218	10.238.121.571
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết	3.474.394.000	-
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - SHANGHAI HARBOUR	Công ty con	2.720.089.350	-
Công ty TNHH Đầu tư Fecon	Công ty con	67.841.653	67.232.586
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	69.218.733.739	3.700.375.175
Tổng		77.118.214.901	14.893.999.100
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Giao dịch cổ tức)		9.750.000.000	8.250.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Chuyển nhượng vốn góp)		3.900.000.000	-
Công ty Cổ phần khoáng sản FECON (Mua căn hộ)		3.645.000.000	-
Tổng		17.295.000.000	8.250.000.000

7.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.16 đến 6.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	238.042.852.242	37.271.670.661
Phải thu khách hàng (ngắn + dài hạn)	297.891.717.698	350.756.649.087
Phải thu khác (ngắn + dài hạn)	1.020.000.000	128.987.601
Đầu tư tài chính dài hạn	229.163.321.752	173.507.456.208
Cộng	766.117.891.692	561.664.763.557
Công nợ tài chính		
Các khoản vay nợ (ngắn + dài hạn)	173.782.306.179	161.285.828.118
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	384.686.974.724	318.769.558.745
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	332.404.288	12.447.435.371
Chi phí phải trả	171.510.214.484	1.097.967.000
Cộng	730.311.899.675	493.600.789.234

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá của công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối

với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết đóng góp nhằm đáp ứng các quy định

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ	133.522.660.672	40.259.645.507	173.782.306.179
Phải trả người bán và phải trả khác	385.019.379.012	-	385.019.379.012
Chi phí phải trả	171.510.214.484	-	171.510.214.484
Tổng	690.052.254.168	40.259.645.507	730.311.899.675

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ	114.730.087.135	46.555.740.983	161.285.828.118
Phải trả người bán và phải trả khác	331.216.994.116	-	331.216.994.116
Chi phí phải trả	171.510.214.484	-	171.510.214.484
Tổng	617.457.295.735	46.555.740.983	664.013.036.718

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	238.042.852.242	-	238.042.852.242
Các khoản đầu tư		229.163.321.752	229.163.321.752
Phải thu khách hàng và phải thu khác	614.004.898.211	27.770.662.270	641.775.560.481
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tổng	852.047.750.453	256.933.984.022	1.108.981.734.475
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.271.670.661	-	37.271.670.661
Các khoản đầu tư	-	173.507.456.208	173.507.456.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	321.055.493.291	23.802.636.032	344.858.129.323
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tổng	358.327.163.952	197.310.092.240	555.637.256.192

7.4 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Duy Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa